

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03 – 7 - 2023

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Thùy

Bà Lê Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1563/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Vĩnh D, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số A ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà TRI HOA JENNIFER, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số A V, CA I, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2012, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Vĩnh D trình bày:

Ông và bà TRI HOA JENNIFER tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, cả hai đã tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2020 ngày 24/02/2020. Sau khi kết hôn được một tuần thì bà TRI HOA JENNIFER trở về Mỹ. Từ khi quay về Mỹ đến nay, ông bị mất liên lạc với bà J. Ông nhiều lần gọi điện thoại, tìm cách liên hệ với bà J nhưng không thành. Nay ông thấy rằng tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà TRI HOA JENNIFER, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Trần Vĩnh D có yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án do hiện tại ông bận công việc không thể tham gia được. Về phía bị đơn bà TRI HOA JENNIFER đã được Tòa án tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bà TRI HOA JENNIFER đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng việc ủy thác không có kết quả vì địa chỉ của bà TRI HOA JENNIFER không chính xác. Tòa án đã lập biên bản làm việc với ông D về việc yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ mới của bà T nhưng ông không cung cấp được, đồng thời ông D có yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa theo thời gian quy định, tuy nhiên bà TRI HOA JENNIFER vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Vĩnh D và bà TRI HOA JENNIFER theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Vĩnh D và bà TRI HOA JENNIFER là ly hôn, nguyên đơn ông Trần Vĩnh D đang ở Việt Nam, bị đơn bà TRI HOA JENNIFER hiện đang ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Mặc khác, theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án ông Trần Vĩnh D còn có tên gọi khác là Trần Vĩnh D1. Tuy nhiên, cũng theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Trần Vĩnh D và Trần Vĩnh D1 là một người.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông D1 và bà TRI HOA JENNIFER tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2020 ngày 24/2/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống được khoảng 01 tuần thì bà J trở về Mỹ; sau khi bà J trở về Mỹ thì ông D1 không liên lạc được với

bà J mặc dù ông đã tìm cách để liên hệ với bà J nhưng không thành. Nay ông D1 cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà TRI HOA JENNIFER. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho bà TRI HOA JENNIFER nhưng không có kết quả, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định xét xử lên cổng thông tin điện tử của toà nhưng vẫn không nhận được văn bản nêu ý kiến của bà TRI HOA JENNIFER về những vấn đề ông D1 yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của ông D1 và bà J đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông D1 yêu cầu ly hôn với bà J là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Ông D1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung; về tài sản chung; về nợ chung: Ông D1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bà TRI HOA JENNIFER nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Trần Vĩnh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, 147, 227, 228, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Trần Vĩnh D đối với bà TRI HOA JENNIFER.

Về hôn nhân: Ông Trần Vĩnh D được ly hôn với bà TRI HOA JENNIFER.

Về con chung; về tài sản chung; về nợ chung: Ông Trần Vĩnh D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của bà TRI HOA JENNIFER nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Vĩnh D phải chịu

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000726 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Ông Trần Vĩnh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án; bà TRI HOA JENNIFER được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được được niêm yết hợp lệ trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt